TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VÕ NHAI **TỈNH THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản số: 31 /2024/HNGĐ - ST
Ngày: 31/7/2024
V/v: Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VÕ NHAI, TỈNH THÁI NGUYÊN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Huyền.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Thành Nhật

2. Bà Triệu Thị Xuân.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Kim Thị Thanh Thuý - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên: Ông Nguyễn Ngọc Vân, Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 31 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 50/2024/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 4 năm 2024 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2024/QĐST-HNGĐ, ngày 10 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Chu Thị N, sinh năm 1991;
Trú tại: Xóm Đ, xã L, huyện V, tỉnh Thái Nguyên.
(Có mặt tại phiên toà).

Bị đơn: Anh Lâm Văn T, sinh năm 1986;
Trú tại: Xóm Đ, xã L, huyện V, tỉnh Thái Nguyên.
(Có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG CỦA VỤ ÁN

Trong đơn xin ly hôn, tại bản tự khai và tại phiên toà nguyên đơn chị Chu Thị N trình bày: Chị và anh Lâm Văn T được tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn với nhau năm 2014 tại UBND xã L, huyện V, tỉnh Thái Nguyên. Quá trình chung sống anh chị có 02 con chung là cháu Lâm Minh T1, sinh ngày 18/02/2016 và cháu Lâm Quỳnh A, sinh ngày 21/12/2019. Về tài sản chung và khoản nợ chung không có.

Về nguyên nhân ly hôn: Quá trình chung sống ban đầu vợ chồng hoà thuận, hạnh phúc sau một thời gian chung sống hai vợ chồng bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung, trong cuộc sống vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn sống không hạnh phúc. Tại phiên tòa hôm nay, chị Chu Thị N xác định việc duy trì tình cảm vợ chồng không đem lại hạnh phúc, mục đích của hôn nhân không đạt được nên giữ nguyên quan điểm xin được ly hôn với anh Lâm Văn T; Về con chung: Chị có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu Lâm Quỳnh A, sinh ngày 21/12/2019 và đề nghị Toà án giao cháu Lâm Minh T1, sinh ngày 18/02/2016 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Về cấp dưỡng nuôi con chung chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung và nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về án phí: Chị N nhận nộp án phí ly hôn sơ thẩm.

Bị đơn anh Lâm Văn T trình bày: Anh và chị Chu Thị N được tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn với nhau năm 2014 tại UBND xã L, huyện V, tỉnh Thái Nguyên. Quá trình chung sống anh chị có 02 con chung là cháu Lâm Minh T1, sinh ngày 18/02/2016 và cháu Lâm Quỳnh A, sinh ngày 21/12/2019. Về tài sản chung và khoản nợ chung không có. Tại phiên tòa anh T mong muốn chị N suy nghĩ lại và quay về cùng anh chung sống để nuôi dậy con chung. Nhưng nếu chị N nhất quyết xin ly hôn anh đồng ý ly hôn chị N; Về con anh có nguyện vọng được chăm sóc, nuôi dưỡng hai con chung là cháu Lâm Minh T1, sinh ngày 18/02/2016 và cháu Lâm Quỳnh A, sinh ngày 21/12/2019; Về cấp dưỡng nuôi con anh không yêu cầu Tòa án giải quyết vì anh không yêu cầu chị N phải cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung và nợ chung không có nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Kết thúc phần hỏi vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Đối với Thẩm phán, Thư ký đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết việc dân sự như: Thụ lý vụ án Hôn nhân gia đình, lập hồ sơ và chấp hành về thời gian chuẩn bị xét xử; thời hạn tiến hành phiên tòa theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn: Chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự. Áp dụng Điều 51; 56; 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình 2014; áp dụng Luật phí và lệ phí số 97/2015 quy định về án phí, lệ phí Tòa án; Nghị quyết 326/2016 của UBTVQH.Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của chị Chu Thị N, cho chị N được ly hôn với anh Lâm Văn T. Về con chung: Giao cháu Lâm Quỳnh A, sinh ngày 21/12/2019 cho chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo

dục đến khi cháu Quỳnh A đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác; Giao cháu Lâm Minh T1, sinh ngày 18/02/2016 cho anh Lâm Văn T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu T1 đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Về cấp dưỡng nuôi con chung không xem xét giải quyết vì chị N và anh T tự thoả thuận; Về tài sản chung: không có không yêu cầu Toà án giải quyết. Về nợ chung không có không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về án phí: Chị N phải nộp án phí sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1]. Về tố tụng: Đây là tranh chấp về hôn nhân gia đình thuộc Điều 28 và Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên.

[2]. Về nội dung: Năm 2014 chị Chu Thị N và anh Lâm Văn T làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy nhân dân xã L, huyện V, tỉnh Thái Nguyên, trên cơ sở tự nguyện không bị ép buộc nên được pháp luật thừa nhận là cuộc hôn nhân hợp pháp.

Về nguyên nhân xin ly hôn là do quá trình chung sống ban đầu vợ chồng hoà thuận, hạnh phúc sau một thời gian chung sống hai vợ chồng bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung, trong cuộc sống vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn sống không hạnh phúc. Nay chị N nhận thấy không còn tình cảm với anh T nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T. Hội đồng xét xử thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N là phù hợp với thực tế và quy định tại các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình 2014.

Về con chung:: Chị N có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu Lâm Quỳnh A, sinh ngày 21/12/2019 và để anh T có trách nhiệm nuôi dưỡng chăm sóc cháu Lâm Minh T1, sinh ngày 18/02/2016, Hội đồng xét xử xét thấy chấp nhận nguyện vọng của chị N giao cháu Lâm Quỳnh A, sinh ngày 21/12/2019 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Giao cháu Lâm Minh T1, sinh ngày 18/02/2016 cho anh Lâm Văn T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng giáo dục cũng tôn trọng theo nguyện vọng của cháu Lâm Minh T1.

Về cấp dưỡng nuôi con: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết vì các đương sự không yêu cầu.

Về tài sản chung: Không có, nên Hội đồng không xem xét giải quyết.

Về khoản nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét vì các đương sự không yêu cầu.

Về án phí: Chị N phải nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, 235, 271 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51; 53; 56; 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình 2014; áp dụng Luật phí và lệ phí số 97/2015 quy định về án phí, lệ phí Tòa án; Nghị quyết 326/2016 của UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1.Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Chu Thị N, cho chị N được ly hôn anh Lâm Văn T.

Về con chung:

- Giao cháu Lâm Quỳnh A, sinh ngày 21/12/2019 cho chị N chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Lâm Quỳnh A đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác.

- Giao cháu Lâm Minh T1, sinh ngày 18/02/2016 cho anh T chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Lâm M đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác.

Về quyền đi lại thăm con chung: Chị N và anh T có quyền đi lại thăm con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết vì các đương sự không yêu cầu.

Về tài sản chung: Không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về khoản nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xét giải quyết.

4. Án phí: Chị N phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm vào ngân sách nhà nước, được chuyển từ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0006586 ngày 24/4/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt các đương sự. Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Võ Nhai;
- Chi cục THADS huyện Võ Nhai;
- TAND tỉnh TN;
- Đương sự;
- UBND xã;
- Lưu HS.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Hoàng Thị Huyền